

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Mai S, sinh năm 1994; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Anh Huỳnh N, sinh năm 1993; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Mai S và anh Huỳnh N tự nguyện thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc dân sự về hôn nhân và gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị Mai S và anh Huỳnh N được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai S và anh Huỳnh N tự nguyện, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh V, sinh ngày 24/4/2017 cho chị Mai S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh V mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ ngày 30/4/2019 cho đến khi cháu Huỳnh V đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Mai S cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng anh Huỳnh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai S, anh Huỳnh N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Mai S phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; anh Huỳnh N phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; chị Mai S tự nguyện nộp thay cho anh Huỳnh N 150.000 đồng, tổng cộng số tiền chị S phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0038715 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chị Mai S đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng